|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN  THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  **SỞ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-SNN  **DỰ THẢO** | *Đà Nẵng, ngày tháng 11 năm 2021* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị trình HĐND thành phố thông qua Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2022-2025**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Công văn số 113/HĐND-KTNS ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc xây dựng nghị quyết, Công văn số 7565/UBND-KT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của UBND thành phố về việc hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân thành phố kỳ họp cuối năm 2021;

Trên cơ sở đề xuất của UBND huyện Hòa Vang tại Công văn số 2730/UBND-NN ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân thành phố kỳ họp cuối năm 2021;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2022-2025, đã có Công văn số /SNN-QLCL ngày 10 tháng 11 năm 2021 lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành đồng thời đăng Cổng Thông tin điện tử thành phố để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân theo quy định. Kết quả đã có ý kiến phản hồi, trong đó có ý kiến thống nhất với dự thảo, ý kiến góp ý bổ sung. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh dự thảo, gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định tại Công văn số /SNN-QLCL ngày tháng 11 năm 2021.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số /STP-XDKTVB ngày tháng 11 năm 2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, báo cáo giải trình (có văn bản đính kèm) và hoàn chỉnh dự thảo tờ trình của UBND thành phố, nghị quyết của HĐND thành phố quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2022-2025.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND thành phố trình HĐND thành phố thông qua Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2022-2025 với các nội dung sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong thời gian qua thành phố Đà Nẵng đã ban hành các cơ chế, chính sách nhằm huy động các nguồn lực để hỗ trợ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang, trong đó có các chính sách như: Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 19/10/2013 của UBND thành phố về việc ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2016; Nghị quyết số 105/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 -2020; Nghị quyết 269/NQ-HĐND 2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 105/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017.

Kết quả, sau hơn 10 năm thực hiện, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Hòa Vang đã đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực: Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng tích cực; cơ sở hạ tầng ngày càng được đầu tư nâng cấp; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao; 11/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, 02/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Cơ sở hạ tầng nông thôn mặc dù đã từng bước được hiện đại song chưa đáp ứng hết nhu cầu phục vụ người dân nông thôn, các tiêu chí như hình thức thức chức sản xuất, thu nhập, việc làm,…còn thiếu bền vững.

Hiện nay, so với cả nước, các tiêu chí xây dựng nông thôn mới của thành phố Đà Nẵng cao hơn các địa phương khác. Mặt khác, giai đoạn 2022-2025, huyện Hòa Vang thực hiện song song hai mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao và xây dựng phát triển huyện Hoà Vang trở thành thị xã nên việc đầu tư kết cấu hạ tầng vừa đảm bảo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, vừa phù hợp với tiêu chí đô thị là cần thiết.

Căn cứ thực tế nêu trên và mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 07/7/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về xây dựng phát triển huyện Hòa Vang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là đến năm 2025 phấn đấu 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trong đó có ít nhất 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu thì việc tiếp tục Ban hành và thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hòa Vang cho giai đoạn tới là cần thiết nhằm huy động nguồn lực của nhà nước và xã hội hỗ trợ huyện Hòa Vang hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới và trở thành thị xã vào năm 2025.

Với những lý do trên, thì việc xây dựng Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hoà Vang giai đoạn 2022-2025 là phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Ban hành Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2022 - 2025 nhằm huy động nguồn lực của nhà nước và xã hội để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang trong giai đoạn 2022 - 2025, phấn đấu đến năm 2025 huyện Hoà Vang trở thành thị xã.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

a) Kế thừa những quy định còn phù hợp tại các Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2017 - 2020; bổ sung các giải pháp, chính sách nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2022 - 2025.

b) Nâng cao trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương, tổ chức đoàn thể; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

**III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục của dự thảo nghị quyết**

Nghị quyết gồm 11 điều, trong đó:

a) Điều 1, 2,3: Pham vi điều chỉnh, đối tượng, nguyên tắc áp dụng.

b) Điều 4,5,6: Nội dung các chính sách

- Điều 4: Chính sách hỗ trợ kết cấu hạ tầng và môi trường nông thôn.

- Điều 5: Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng làng nghề nông thôn.

- Điều 6: Chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

- Điều 7: Chính sách hỗ trợ cụ thể cho các xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Điều 8: Kinh phí thực hiện.

d) Điều 9: Phương thức hỗ trợ từ nguồn ngân sách thành phố.

đ) Điều 10: Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

e) Điều 11: Hiệu lực thi hành.

**2. Nội dung cơ bản của nghị quyết**

a) Điều 1 Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2022 - 2025.

b) Điều 2 Đối tượng áp dụng:Nghị quyết này áp dụng đối với

- Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư**,** doanh nghiệp đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn trên địa bàn huyện Hòa Vang nhằm thực hiện các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, chủ trang trại, cá nhân (sau đây gọi tắt là các tổ chức, cá nhân) đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang.

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách theo Nghị quyết này.

c) Điều 3 Nguyên tắc áp dụng

- Ngoài những chính sách hỗ trợ ban hành tại Nghị quyết này, các tổ chức, cá nhân vẫn được hỗ trợ theo các chính sách khác theo quy định hiện hành.

- Ngoài các chính sách tại Nghị quyết này, các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang vẫn được hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định hiện hành của Chính phủ và của thành phố. Trường hợp tổ chức, cá nhân được hưởng nhiều mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ thì được lựa chọn áp dụng mức cao nhất.

d) Điều 4 Hỗ trợ kết cấu hạ tầng và môi trường nông thôn

- Đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành đường trục thôn, liên thôn, đường xóm, đường ngõ xóm và đường trục chính nội đồng:

+ Đường trục thôn, liên thôn, liên xóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

+ Đường xóm, đường ngõ được ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ vật tư theo định mức kinh tế kỹ thuật và 50% chi phí nhân công.

+ Đường trục chính nội đồng (kể cả các cầu, cống hộp) được ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ vật tư theo định mức kinh tế kỹ thuật và 100% chi phí nhân công.

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng đường trục thôn, liên thôn, đường xóm, đường ngõ và đường trục chính nội đồng (kể cả các cầu, cống hộp) được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

- Hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương do địa phương quản lý (kênh chính nội đồng) được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

- Hỗ trợ đầu tư xây mới, nâng cấp trên lĩnh vực văn hóa thể thao: Đầu tư xây mới, trùng tu, nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao (bao gồm cả trang thiết bị) được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

- Hỗ trợ đầu tư, sửa chữa điện chiếu sáng nông thôn (trừ các tuyến đường huyện, tỉnh) được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

- Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp trường học đạt chuẩn quốc gia

+ Đầu tư xây dựng các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở đảm bảo cơ sở vật chất đạt chuẩn được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

+ Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng, vận hành thường xuyên trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở đảm bảo cơ sở vật chất đạt chuẩn được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

- Hỗ trợ trên lĩnh vực môi trường

+ Đầu tư hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát nước đảm bảo môi trường tại các chợ, khu dân cư, khu chăn nuôi tập trung, khu sản xuất tập trung, làng nghề được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

+ Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường tại các kênh mương, rạch, hồ, ao, đầm, lòng sông được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

+ Hỗ trợ xây dựng tuyến đường kiểu mẫu đảm bảo xanh - sạch - đẹp (xây dựng bồn hoa, cây xanh, thảm cỏ, pano, nước tưới, công chăm sóc) được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

+ Đầu tư xây dựng tường rào, cây xanh tạo ranh giới hành lang tại các khu dân cư sát với nghĩa trang, nghĩa địa được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

+ Đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo vệ sinh môi trường, xây dựng các điểm tập kết, trung chuyển rác hợp vệ sinh, các chi phí liên quan đến khảo sát, phân tích mẫu, thu gom xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại trong nông nghiệp được ngân sách hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

+ Hỗ trợ xây dựng và thực hiện mô hình phân loại tái chế, tái sử dụng chất thải phù hợp đặc thù khu vực nông thôn: không quá 200 triệu đồng/thôn/mô hình.

+ Hỗ trợ hộ gia đình chính sách, hộ nghèo và các đối tượng xã hội xây dựng nhà tắm, nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chí 3 sạch được ngân sách hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ.

+ Hỗ trợ 50% kinh phí cải tạo, xử lý môi trường trong chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh, mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ.

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch, trong đó tập trung phát triển chợ nông thôn đảm bảo an toàn thực phẩm, văn minh thương mại, ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% theo dự toán được duyệt.

- Đầu tư, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị Đài truyền thanh cấp xã, hệ thống loa đến các thôn và hệ thống kết nối công nghệ thông tin được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% dự toán được duyệt.

- Phương thức hỗ trợ thực hiện:

+ Ngân sách các cấp hỗ trợ để tổ chức thực hiện, cụ thể

Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã là Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xã (gọi tắt là Ban Quản lý xã) do Ủy ban nhân dân xã quyết định. Đối với các công trình không phù hợp với phân cấp quản lý theo quy định hiện hành, các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban Quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã. Căn cứ nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố, UBND huyện thực hiện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã để thực hiện các công trình do xã điều hành.

UBND cấp xã tổng hợp toàn bộ phần quyết toán chi phí mua vật tư (trong khoản mục chi phí xây dựng) từng dự án, công trình kèm theo Tờ trình gửi Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện thẩm tra. Căn cứ báo cáo thẩm tra của Phòng Tài chính - kế hoạch huyện, UBND xã ra quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành.

UBND huyện Hòa Vang căn cứ ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho huyện để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã; UBND cấp xã thực hiện quy định cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định Luật Ngân sách Nhà nước.

+ Ngoài nguồn kinh phí ngân sách hỗ trợ, các khoản kinh phí còn vận động nhân dân đóng góp tự nguyện.

+ Việc thực hiện cấp phát, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

đ) Điều 5 Hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng làng nghề nông thôn

- Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống lúa trung, ngắn ngày có chất lượng:

+ Nội dung hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân đăng ký mua giống lúa xác nhận để sản xuất từ nguồn giống lúa tại các công ty giống (giống lúa trung ngắn ngày nằm trong cơ cấu giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành) được ngân sách hỗ trợ phần chênh lệch giá giữa thóc giống và thóc thịt theo giá thị trường tại thời điểm mua.

+ Trình tự thực hiện:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất lúa hằng năm và trên cơ sở thông báo cơ cấu giống sản xuất theo vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. UBND các xã thông báo đến nhân dân đăng ký mua giống, tổng hợp danh sách, loại giống gửi về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tổng hợp và phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện phê duyệt dự toán để thực hiện hỗ trợ.

Trên cơ sở chứng thư thẩm định giá của đơn vị có tư cách pháp nhân, giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng theo hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn để đảm bảo thời gian triển khai cung cấp giống kịp thời cho nhân dân sản xuất.

UBND xã phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận, cấp giống và thu tiền đối ứng của nhân dân để thanh toán cho đơn vị cung cấp.

- Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng:

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng (thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp) diện tích đất bỏ hoang, đất không sản xuất được do ảnh hưởng dự án, đất trồng lúa, màu hiệu quả thấp chuyển đổi sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn hoặc trồng lúa kết hợp nuôi cá (diện tích tối thiểu từ 01 ha liền vùng trở lên).

+ Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí cải tạo đồng ruộng, chi phí chuyển giao, hệ thống điện, hệ thống tưới, tiêu theo dự toán được duyệt, kinh phí mua giống; 50% kinh phí mua vật tư, phân bón/01 vụ đầu nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/ha.

+ Trình tự thực hiện:

UBND xã triển khai cho dân đăng ký, cam kết thực hiện, tổng hợp nhu cầu xây dựng phương án trình cơ quan chuyên môn cấp huyện thẩm định, trình UBND huyện phê duyệt.

Trên cơ sở Quyết định phê duyệt, UBND xã tiến hành triển khai thực hiện, mời các cơ quan chuyên môn cấp huyện nghiệm thu để có cơ sở thanh quyết toán.

- Hỗ trợ xây dựng vườn gia đình, vườn mẫu:

+ Điều kiện hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân có vườn nằm trong vùng quy hoạch ổn định lâu dài và có kế hoạch đăng ký xây dựng vườn phát triển kinh tế, vườn mẫu theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới do UBND huyện phê duyệt.

+ Nội dung, mức hỗ trợ: Hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn tạp để phát triển kinh tế (quy mô từ 1.000 m2 trở lên), được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% giá trị cây giống, nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ. Đối với vườn mẫu (có quy mô từ 500 m2 trở lên), được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% giá trị cây giống và vật tư để xây dựng vườn mẫu nhưng tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ.

+ Trình tự thực hiện:

Căn cứ kế hoạch hàng năm, UBND huyện, xã có văn bản thông báo đến các thôn để phổ biến kế hoạch hỗ trợ phát triển vườn kinh tế, xây dựng vườn mẫu theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, xã.

Hộ gia đình làm đơn đăng ký số lượng, chủng loại cây giống, vật tư và cam kết thực hiện phát triển vườn kinh tế, xây dựng vườn mẫu (có xác nhận của Trưởng thôn) gửi UBND xã để tổng hợp.

UBND xã tổng hợp danh sách và cam kết của hộ gửi về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định, phê duyệt và cấp tạm ứng 70% tổng kinh phí về cho UBND xã.

Căn cứ quyết định phê duyệt, UBND xã thông báo cho các hộ gia đình được hỗ trợ để thực hiện. UBND xã trực tiếp mua cây giống và cấp phát cây cho hộ. Sau 30 ngày kể từ ngày cấp phát cây giống, UBND xã mời các ngành chuyên môn của huyện kiểm tra, nghiệm thu và quyết toán theo quy định.

Căn cứ kết quả nghiệm thu để quyết toán: Tỷ lệ cây sống, phát triển tốt đạt từ 70% trở lên được thanh toán 100% kinh phí hỗ trợ; tỷ lệ cây sống dưới 70% thì được thanh toán hỗ trợ kinh phí số cây sống và hộ sẽ hoàn trả giá trị phần cây chết do lỗi thiếu trách nhiệm của hộ (trừ yếu tố thiên tai có biên bản xác nhận của các cơ quan liên quan).

UBND xã gửi hồ sơ nghiệm về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện kiểm tra, phê duyệt quyết toán và cấp tiếp phần kinh phí còn lại cho UBND xã.

- Khuyến khích nâng cao an toàn thực phẩm nông sản:

+ Nội dung hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân xây dựng và áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt được ngân sách hỗ trợ:

Toàn bộ chi phí đào tạo thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất, sơ chế, chế biến sản phẩm an toàn; chi phí phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu sản phẩm và các chi phí đảm bảo chứng nhận cơ sở đủ điều kiệnđể sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản an toàn.

Hỗ trợ một lần chi phí thuê tổ chức tư vấn đánh giá và cấp giấy chứng nhận áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo quy định.

+ Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân có đơn đăng ký hỗ trợ (kèm theo dự toán kinh phí hỗ trợ), gửi đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sau khi nhận đơn đăng ký, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hơp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định, phê duyệt dự toán, mức kinh phí hỗ trợ và thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp đơn.

Sau khi nhận được thông báo, tổ chức, cá nhân tiến hành ký hợp đồng với Tổ chức chứng nhận được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định và triển khai thực hiện và gửi các hồ sơ liên quan về cơ quan chuyên để hỗ trợ kinh phí hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện trực tiếp ký hợp đồng để thực hiện việc hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân.

- Hỗ trợ xây dựng chuồng trại chuyển đổi hình thức chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi theo hữu cơ:

+ Định mức và nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa không quá 300.000.000 đồng/mô hình để đầu tư xây dựng hạ tầng về chuồng trại chăn nuôi, xử lý chất thải, điện, nước, mua thiết bị, giống sản xuất.

Đối với mô hình sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, được hỗ trợ 1 lần để thuê tổ chức đánh giá, cấp nhận sản phẩm an toàn, được ngân sách hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt. Nội dung kinh phí thuê tổ chức chứng nhận phải phù hợp với các quy định hiện hành.

+ Điều kiện hỗ trợ: Các cá nhân, tổ chức chăn nuôi phải nằm trong khu vực được phép chăn nuôi theo quy định của thành phố đồng thời được Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận hỗ trợ .

+ Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển đổi hình thức chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi theo hữu cơ có đơn (kèm theo phương án và dự toán thực hiện) gửi đến UBND xã, UBND xã tổng hợp gửi về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND xã kiểm tra, thẩm định trình UBND huyện phê duyệt.

Sau khi nhận quyết định phê duyệt tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện phương án theo nội dung dự toán được duyệt. Sau khi hoàn thành mô hình tổ chức, cá nhân chủ động mời các thành phần liên quan nghiệm thu để có cơ sở hỗ trợ.

Biên bản nghiệm thu là cơ sở giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. Nội dung biên bản nghiệm thu phải xác định cụ thể khối lượng, giá trị từng hạng mục theo dự toán phê duyệt và kinh phí hỗ trợ của nhà nước.

Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ (Hợp đồng, thanh lý, các hoá đơn chứng từ, giấy chuyển tiền và các hồ sơ liên quan đến các nội dung hạng mục đầu tư).

- Hỗ trợ khôi phục và phát triển làng nghề, nghề truyền thống:

+ Định mức và nội dung hỗ trợ:

Các cơ sở sản xuất trong làng nghề, nghề truyền thống thuê đất xây dựng mới cơ sở tại các khu quy hoạch tập trung (quy hoạch của xã, huyện) được hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng nhà xưởng nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

Các cơ sở sản xuất trong làng nghề, nghề truyền thống đầu tư dây chuyền sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh môi trường được hỗ trợ 50% kinh phí, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

Các tổ chức, cá nhân xây dựng mới nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm làng nghề, nghề truyền thống tối thiểu 30 m2 được hỗ trợ với mức 02 triệu đồng/m2 nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/nhà.

+ Trình tự thực hiện:

Các cơ sở sản xuất trong làng nghề, nghề truyền thống có nhu cầu hỗ trợ có đơn đề nghị (kèm theo phương án và dự toán thực hiện) gửi đến UBND xã, UBND xã tổng hợp gửi về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện .

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND xã kiểm tra, thẩm định trình UBND huyện phê duyệt.

Sau khi nhận quyết định phê duyệt tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện phương án theo nội dung dự toán được duyệt. Sau khi hoàn thành mô hình tổ chức, cá nhân chủ động mời các thành phần liên quan nghiệm thu để có cơ sở hỗ trợ.

Biên bản nghiệm thu là cơ sở giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. Nội dung biên bản nghiệm thu phải xác định cụ thể khối lượng, giá trị từng hạng mục theo dự toán phê duyệt và kinh phí hỗ trợ của nhà nước.

Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ (Hợp đồng, thanh lý, các hoá đơn chứng từ, giấy chuyển tiền và các hồ sơ liên quan đến các nội dung hạng mục đầu tư).

e) Điều 6 Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp

-Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng:

+ Nội dung hỗ trợ: Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

+ Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% theo dự toán kinh phí được duyệt, mức hỗ trợ tối đa không quá 1 tỷ đồng/ phương án.

+ Trình tự thực hiện: Các hợp tác xã có nhu cầu hỗ trợ có tờ trình gửi đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Phòng Tài chính và Kế hoạch, UBND xã làm việc với các hợp tác xã để xác định nhu cầu, xây dựng phương án và trình UBND huyện phê duyệt và bố trí kinh phí thực hiện.

+ Phương thức hỗ trợ đầu tư: Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã thông qua cơ quan chuyên môn, địa phương xây dựng, mua sắm, bàn giao cho hợp tác xã; trường hợp hợp tác xã có đủ năng lực, cấp có thẩm quyền xem xét giao cho hợp tác xã tự thực hiện dự án, mua sắm với tổng mức vốn dưới 500 triệu đồng.

+ Cơ chế quản lý sau đầu tư: Tài sản do Nhà nước hỗ trợ là tài sản không chia của hợp tác xã. Hợp tác xã tự trang trải chi phí vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình đưa vào sử dụng; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi hợp tác xã đăng ký, thành lập, quản lý.

- Hỗ trợ đầu tư cơ giới hoá phục vụ sản xuất, bảo quản chế biến các sản phẩm nông nghiệp:

+ Nội dung hỗ trợ: Hợp tác xã mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp được ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 50% giá trị thiết bị nhưng không quá 300.000.000 đồng/thiết bị.

+ Trình tự và phương thức hỗ trợ: Hợp tác xã có nhu cầu mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất có đơn (kèm phương án và kinh phí đề nghị hỗ trực thực hiện) gửi về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt. Sau khi có thông báo chấp thuận hỗ trợ, hợp tác xã tiến hành thuê đơn vị thẩm định giá và thực hiện ký hợp đồng mua sắm, tổ chức nghiệm thu, gửi hồ sơ đến Phòng chuyên môn cấp huyện để nhận kinh phí hỗ trợ.

+ Cơ chế quản lý sau hỗ trợ: Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã. Hợp tác xã tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khi đưa vào sử dụng; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước thành lập hội đồng đánh giá và thanh lý theo quy định. Kinh phí sau khi thanh lý nộp vào ngân sách nhà nước cấp huyện.

- Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại hợp tác xã

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ lương cho lao động trẻ tốt nghiệp đại học, sau đại học về làm việc tại hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp; mức hỗ trợ lương hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 36 tháng/người, tối đa 02 người/hợp tác xã. Ngoài ra, hỗ trợ công tác phí mỗi tháng 500.000 đồng/người/tháng và hỗ trợ chi phí tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng (nếu có) theo quy định.

+ Điều kiện hỗ trợ: Hợp tác xã có nhu cầu tuyển dụng lao động (kỹ sư nông nghiệp, những người có kiến thức, chuyên môn phù hợp với hoạt động nông nghiệp và địa bàn nông thôn) được Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận hỗ trợ.

+ Trình tự thực hiện:

Hợp tác xã có tờ trình đề nghị, phương án tuyển dụng và sử dụng lao động, phương án sản xuất kinh doanh gửi về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện, Phòng Nội vụ, UBND xã nơi hợp tác xã hoạt động kiểm tra, thẩm định, trình UBND huyện phê duyệt và thông báo đến hợp tác xã được hỗ trợ.

Hợp tác xã tự chủ và tự quyết định tuyển dụng cán bộ (ký hợp đồng lao động với người được tuyển dụng, người lao động có cam kết công tác lâu dài tại hợp tác xã) thực hiện các thủ tục theo quy định của Luật Lao động. Các khoản phải trích nộp theo quy định của pháp luật hiện hành do tổ chức kinh tế tập thể và người lao động chi trả theo quy định.

Sau khi nhận đủ hồ sơ của hợp tác xã gửi đến, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tham mưu cấp kinh phí hỗ trợ.

Cơ chế hỗ trợ: Mỗi năm sẽ cấp kinh phí 01 lần thông qua tài khoản của hợp tác xã.

- Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước:

+ Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã trên địa bàn huyện Hoà Vang.

+ Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hợp tác xã/lần, tối đa 02 lần/hợp tác xã/năm.

+ Trình tự thực hiện: Hợp tác xã đăng ký tham gia hội chợ, triển lãm trong nước có đơn đề nghị gửi đến Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện để tham mưu hỗ trợ kinh phí.

- Chính sách hỗ trợ kinh phí xây dựng/nâng cấp điểm bán hàng, thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm.

+ Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã trên địa bàn huyện.

+ Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng/nâng cấp điểm bán hàng nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/điểm; 70% chi phí thuê mặt bằng thực tế nhưng tối đa không quá 05 triệu đồng/tháng cho mỗi hợp tác xã thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm trong thành phố; hỗ trợ 70% chi phí thuê mặt bằng thực tế nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/tháng cho mỗi hợp tác xã thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm ngoài thành phố cho các hợp tác xã trên địa bàn huyện. Thời gian hỗ trợ tối đa cho mỗi hợp tác xã là 02 năm.

+ Trình tự thực hiện:

Hợp tác xã có nhu cầu hỗ trợ có đơn đề nghị (kèm theo phương án và dự toán thực hiện) gửi đến UBND xã, UBND xã tổng hợp gửi về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND xã kiểm tra, thẩm định trình UBND huyện phê duyệt.

Sau khi nhận quyết định phê duyệt triển khai thực hiện phương án theo nội dung dự toán được duyệt. Sau khi hoàn thành mô hình tổ chức, cá nhân chủ động mời các thành phần liên quan nghiệm thu để có cơ sở hỗ trợ.

Biên bản nghiệm thu là cơ sở giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ. Nội dung biên bản nghiệm thu phải xác định cụ thể khối lượng, giá trị từng hạng mục theo dự toán phê duyệt và kinh phí hỗ trợ của nhà nước.

Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ (Hợp đồng, thanh lý, các hoá đơn chứng từ, giấy chuyển tiền và các hồ sơ liên quan đến các nội dung hạng mục đầu tư).

g) Điều 7 Hỗ trợ cụ thể cho các xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu

- Hỗ trợ cho các xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025:

+ Tặng Bảng công nhận và hỗ trợ kinh phí bằng tiền mặt: 100.000.000 đồng/xã.

+ Tặng công trình trị giá 1.000.000.000 đồng/xã.

- Hỗ trợ cho các xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025

+ Tặng Bảng công nhận và hỗ trợ kinh phí bằng tiền mặt: 200.000.000 đồng/xã.

+ Tặng công trình trị giá 1.500.000.000 đồng/xã.

h) Điều 8 Kinh phí thực hiện

- Thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ để thực hiện bảo đảm không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng; không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Nguồn kinh phí thực hiện gồm: Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Nguồn ngân sách nhà nước: Theo phân cấp cho ngân sách huyện Hòa Vang theo quy định và nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới theo khả năng cân đối ngân sách thành phố; nguồn xã hội hóa và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Tổng kinh phí dự kiến: 595,880 tỷ đồng. Trong đó:

+ Kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ bản 525,500 tỷ đồng.

+ Kinh phí sự nghiệp 70,380 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

i) Điều 9 Phương thức hỗ trợ từ nguồn ngân sách thành phố

- Thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ để thực hiện bảo đảm không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng; không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Nguồn kinh phí thực hiện gồm: Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật. Trong đó:

+ Đối với kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ bản: Sử dụng từ nguồn thu tiền sử dụng đất thành phố phân cấp cho ngân sách huyện theo quy định. Trường hợp nguồn thu tiền sử dụng đất không đảm bảo, căn cứ khả năng cân đối ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện.

+ Đối với kinh phí chi thường xuyên (chi sự nghiệp) thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện.

- Đối với nguồn ngân sách thành phố cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Nghị quyết này, UBND thành phố giao dự toán hàng năm cho các Sở từ nguồn kinh phí sự nghiệp của thành phố.

k) Điều 10 Trách nhiệm tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chính sách của Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

- Thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ, hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện. Tổ chức kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện chính sách với Hội đồng nhân dân thành phố.

- Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung cơ chế, chính sách, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

l) Điều 11 Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

*(Xin kèm theo: (1) Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2022-2025; (2) Công văn số STP/KTXDVB ngày tháng năm 2021 của Sở Tư pháp về việc….; (3) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hòa Vang giai đoạn 2022-2025;(4) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương và tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Các tài liệu liên quan.*

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình UBND thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - TT Thành ủy (để b/c);  - Chủ tịch và các PCT UBND TP;  - Giám đốc Sở (b/c);  - Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;  - UBND huyện Hòa Vang;  - VP ĐĐBQH, HĐNDTP;  - Văn phòng UBND TP;  - Lưu: VT, QLCL, Thơm. | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Hoàng Thanh Hòa** |

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CƠ CHẾ , CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA VANG GIAI ĐOẠN 2022-2025**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số: /TTr-SNN ngày tháng 11 năm 2021 của Sở NN và PTNT)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| **STT** | **Danh mục hỗ trợ** | **ĐVT** | **Khối lượng** | **Tổng kinh phí đầu tư** | **Ngân sách nhà nước**  **hỗ trợ** | | **Nhân dân**  **đóng góp** | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **%** | **Tổng số** | **%** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
|  | **Tổng số** |  |  | **610.300** | **595.880** | **97,6%** | **14.420** | **2,4%** |  |
| **A** | **CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG** |  |  | **525.500** | **525.500** | **100%** |  |  |  |
| **Chính  sách 1** | **Hỗ trợ kết cấu hạ tầng và môi trường** |  |  | **513.000** | **513.000** |  |  |  |  |
| 1 | Đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành đường trục thôn, liên thôn, đường xóm, đường ngõ và đường trục chính nội đồng | km | GT=20km; GTNĐ=15 km; GTNT:50km | 220.000 | 220.000 |  |  |  |  |
| 2 | Hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương do địa phương quản lý | km | 30 km | 40.000 | 40.000 |  |  |  |  |
| 3 | Hỗ trợ đầu tư xây mới, nâng cấp trên lĩnh vực văn hóa  thể thao |  | 113 nhà họp thôn và khu văn hoá thể thao | 55.000 | 55.000 |  |  |  |  |
| 4 | Hỗ trợ đầu tư, sửa chữa điện chiếu sáng nông thôn |  | 40 km | 18.000 | 18.000 |  |  |  |  |
| 5 | Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp trường học đạt chuẩn quốc gia |  | 25 Công trình | 90.000 | 90.000 |  |  |  |  |
| 6 | Hỗ trợ trên lĩnh vực môi trường |  | 90 công trình | 40.000 | 40.000 |  |  |  |  |
| 7 | Đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn |  | 12 công trình | 40.000 | 40.000 |  |  |  |  |
| 8 | Đầu tư nâng cấp, mua sắm trang thiết bị Đài truyền  thanh cấp xã, hệ thống loa đến các thôn và hệ thống kết nối CNTT |  | 11 công trình xã và 113 thôn | 10.000 | 10.000 |  |  |  |  |
| **Chính  sách 4** | **Hỗ trợ chính sách cụ thể cho các xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu** |  |  | **12.500** | **12.500** |  |  |  |  |
| 1 | Tặng công trình |  | 11 công trình | 12.500 | 12.500 |  |  |  |  |
| **B** | **CHI SỰ NGHIỆP** |  |  | **84.800** | **70.380** | **82%** | **14.420** | **18%** |  |
| **Chính  sách 1** | **Hỗ trợ kết cấu hạ tầng và môi trường** |  |  | **34.600** | **32.600** | **94%** | **2.000** | **6%** |  |
| 1 | Đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị… |  |  | 6.000 | 6.000 | 100% |  |  |  |
| 2 | Hỗ trợ xây dựng mô hình phân loại tái chế, tái xử dụng  rác thải |  | 113 thôn | 22.600 | 22.600 | 100% |  |  |  |
| 3 | Hỗ trợ xây dựng nhà tắm, nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chí 3 sạch; Hỗ trợ cải tạo, xử lý môi trường trong chăn nuôi ; |  | 500 hộ | 6.000 | 4.000 | 66% | 2.000 | 34% |  |
| **Chính  sách 2** | **Hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng làng nghề nông thôn** |  |  | **29.500** | **21.080** | **71%** | **6.540** | **29%** |  |
| 1 | Hỗ trợ chuyển đổi giống lúa trung ngắn ngày chất lượng, sản xuất lúa hữu cơ | Tấn/4 năm | 720 | 16.000 | 10.000 | 63% | 6.000 | 37% |  |
| 2 | Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng | 10ha/năm | 40 | 1.600 | 1.280 | 86% | -1.560 | 14% |  |
| 3 | Hỗ trợ cải tạo vườn tạp xây dựng vườn mẫu | ha | 120 | 4.000 | 4.000 | 100% |  |  |  |
| 4 | Khuyến khích nâng cao an toàn thực phẩm |  | 20 cơ sở | 1.600 | 1.600 | 100% |  |  |  |
| 5 | Hỗ trợ xây dựng chuồng trại chuyển đổi hình thức chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi theo hữu cơ |  | 15 mô hình | 4.500 | 3.000 | 67% | 1.500 | 33% |  |
| 6 | Khôi phục và phát triển làng nghề, nghề truyền thống |  | 8 cơ sở | 1.800 | 1.200 | 67% | 600 | 33% |  |
| **Chính  sách 3** | **Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp** |  |  | **19.300** | **15.300** | **79%** | **4.000** | **21%** |  |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng |  | 10 HTX | 9.000 | 8.000 | 88% | 1.000 | 12% |  |
| 2 | Hỗ trợ đầu tư cơ giới hoá phục vụ sản xuất nông nghiệp |  | 10 HTX | 6.000 | 3.000 | 50% | 3.000 | 50% |  |
| 3 | Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại hợp tác xã |  | 7 HTX | 2.000 | 2.000 | 100% |  |  |  |
| 4 | Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước |  | 7 HTX | 800 | 800 | 100% |  |  |  |
| 5 | Chính sách hỗ trợ kinh phí xây dựng/nâng cấp điểm bán hàng, thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm |  | 7 HTX | 1.500 | 1.500 | 100% |  |  |  |
| **Chính  sách 4** | **Hỗ trợ chính sách cụ thể cho các xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu** |  |  | **1.400** | **1.400** | **100%** |  |  |  |
| 1 | Hỗ trợ bằng tiền mặt |  | 11 xã | 1.400 | 1.400 | 100% |  |  |  |